TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độclập- Tự do- Hạnhphúc*** _____
Bảnánsố: **65**/2017/KDTM-PT Ngày: 08/8/2017 --- *V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội** ***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà	***Bà Chu Thị Nga***
CácThẩmphán :	***Bà Ngô Thị Hạnh***
	Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
ĐạidiệnViệnkiểmsátthamgiaphiêntoà :	***ÔngĐỗ Hoàng Tân – Kiểmsátviên***
ThưkýTòaánghibiênbảnphiêntoà:	***BàĐặng Thị Minh Hiếu – CánbộTòaánnhândânthànhphố Hà Nội***

Trongngày08tháng8năm 2017, tạitrụsởTòaánnhândânthànhphố Hà Nội mở phiên họp giải quyết việc kinh doanh thương mại thụ lý số **99/2016/TLPT- KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2016** về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng .

Do có kháng cáo của Bị đơn là Ông Bùi Văn T, kháng cáo đối với toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội.

Và Quyết định kháng nghị số 26/QĐKN/VKS-P10 ngày 18/11/2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kháng nghị một phần Bản án số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội.

Theo Quyếtđịnhđưa vụ án ra xét xửsố 172/2017/QĐXX – PT ngày11tháng7năm

2017giữacácđươngsự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Số 22 N Q, phường T T, quận H K, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: Bà Lương Thị Ng – Chuyên viên tố tụng khách hàng cá nhân hội sở - Phòng quản lý và thu hồi nợ KHCN Hội sở - Khối quản lý và thu hồi nợ PV C (theo văn bản uỷ quyền số 7912/UQ-PVB ngày 04/8/2016)

- ***Bị đơn:*** **Ông Bùi Văn T – Sinh năm 1980; Bà Lưu Thị H – Sinh năm 1988**

Địa chỉ: Thôn Đ T, xã T V, huyện M L, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị T – Sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn Đ T, xã T V, huyện M L, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai cña người đại diện hợp pháp Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 17/09/2011, Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng TMCP Đ, ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 3009/2011/HĐTD-CN.HN (sau đây viết tắt là "Hợp đồng tín dụng"), với mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn 12 tháng. Theo ®ã ng©n hµng đã giải ngân cho anh T, chị H vay số tiền 700.000.000 VND (bảy trăm triệu đồng); Mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thêi h¹n vay 12 th¸ng vµ ®ược ghi cô thÓ trong mçi khÕ ước nhËn nî cña tõng lÇn vay. L·i suÊt cho vay trong hạnbằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân cộng (+) biên độ 0,7%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Bùi Văn T, bà Lưu Thị H ®· ký hîp ®ồng thÕ chÊp tài sản là quyền sử dụng đất cô thÓ sau:

Ngày 30/8/2011ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có ký hợpđồng thế chấp tài sản số: 3009/2011/HĐTC-CN.HN Ngân hàng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, diện tích 247m^2 đất ở lâu dài thuộc tờ bản đồ số 03, tại thửa đất số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 198604 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00521do UBND huyện M L, TP Hà Nội cấp ngày 26/1/2011 cho ông Bùi Văn T, và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nêu trên tại thôn Đ T, xã T V, huyện M L, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ tài sản trên được Văn phòng Công chứng T L, thành phố Hà Nội, công chứng số 6176.2011/HĐTC ngày 17/09/2011

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H ®· tr¶ cho ng©n hµng sè tiÒn128.762.232 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng) tiền lãi, sau ®ã kh«ng tr¶ ®ưîc, đã vi phạm cam kết của hợp đồng tín dụng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo đúng quy định do vậy, Ngân hàng đề nghị Toà án nhân dân huyện M L giải quyết, buộc ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay tại Ngân với số tiền cụ thể tính đến ngày xét xử là 1.507.862.264đ trong đó:

Nợ gốc: 700.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 525.802.954đ; Lãi quá hạn: 246.759.722đ; Lãi phạt chậm trả: 35.299.588đ và lãi phát sinh kể từ ngày 21/10/2016 cho đến khi ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo quy định.

Trưêng hîp «ngBùi Văn T và bà Lưu Thị H kh«ng tr¶ ®ưîc nî cho Ng©n hµng th× ®Ò nghÞ TAND huyÖn M L cho ph¸t m¹i toµn bé tµi s¶n thÕ chÊp cña «ng Bùi Văn T ®Ó Ng©n hµng thu hải nî theo quy ®Þnh.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H tại PVc, thì ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thanh toán tiếp toàn bộ nghĩa vụ nợ tại PVc.

*** BÞ ®¬n ông Bùi Văn T trình bày**: Năm 2011, do lµm ¨n kinh doanh cÇn vèn,

ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 700.000.000 đồng (bảy tr¨m triÖu ®ång) để kinh doanh nguyªn vËt liÖu x©y dùng và thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Bùi Văn T.

Ông nhất trí lời trình bày của đại diện ngân hàng về toàn bộ nội dung HĐTD giữa ông với ngân hàng TMCP Đ về số tiền vay, số tiền đã giải ngân, về thời hạn trả nợ, về mục đích vay và số tiền mà ông đã trả nợ được cho ngân hàng số tiền 128.762.232đ, ông xác nhận tính đến ngày 05/9/2016 ông còn nợ ngân hàng số tiền là: 1.484.520.738 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 700,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 510.927.954đ; Lãi quá hạn: 239.322.222đ; Lãi phạt chậm trả: 34.270.522đ

Vì làm ăn gặp khó khăn nên t¹i phiªn tßa ông ®Ò nghÞ Ng©n hµng cho ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H tr¶ nî dÇn mỗi tháng từ 5.000.000đ đến hết năm 2020 ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm cho hết cho Ngân hàng, ông T khẳng định chữ ký trong hợp đồng thế chấp là thực, tài sản trên là của ông vµ vî (bà H) trªn ®Êt hiÖn cã mÑ, vî vµ c¸c con đang sống , ngoài ra không còn ai khác liên quan hay có quyền lợi gì đến tài sản trên, toàn bộ tài sản trên hiện nay ông cùng mẹ, vợ, con đang ở trên đất, không cho ai thuê, mượn, chuyển nhượng gì.

Tài sản từ khi thế chấp với Ngân hàng đến nay vẫn giữ nguyên không thay đổi, phát sinh thêm gì khác.

***BÞ ®¬n bàLưu Thị H:** Quá trình làm việc bà H vắng mặt không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa cho ông T (chồng bà H), ông T có trách nhiệm thông báo cho chị H. Ngày 25/8/2015 bà H có văn bản ủy quyền cho ông T thay mặt bà tham dự phiên toà và có toàn quyền quyết định.

* **Ngưêi cã quyÒn lîi nghÜa vô liªn quan bµ T (mÑ anh T) tr×nh bµy**: ViÖc anh Tâm vay nî nhưthÕ nµo bµ kh«ng biÕt, đối với thửa đất bà đã cho anh T, nay anh thế chấp với ngân hàng là quyền của anh, toµn bé sù viÖc bµ xin v¾ng mÆt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng đân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2004.

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 305, Điều 716 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H.

Buộc ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 20/10/2016 là 1.472.562.676đ (một tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc: 700,000,000đ

Nợ lãi trong hạn: 525.802.954đ

Lãi quá hạn: 246.759.722đ

Nếu ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H không trả được số nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng 247 m^2 đất ở lâu dài và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ diện tích xây dựng trên đất, tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 03, tại thôn Đ T - Xã T V - huyện M L - Thành phố Hà Nội. Theo GCNQSD đất số BD 198604 do UBND huyện M L cấp ngày 26/01/2011 cho ông Bùi Văn T.

Trong trường hợp phát mại tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H tại Ngân hàngPvc thì ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thanh toán tiếp toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân

hàngPvc, nếu số tiền thừa, ngân hàng Pvc có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, Bị đơn là Ông Bùi Văn T, kháng cáo đối với toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội.

Và Quyết định kháng nghị số 26/QĐKN/VKS-P10 ngày 18/11/2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kháng nghị một phần Bản án số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội.

Quá trình tiến hành tố tụng tại cấp phúc thẩm, ông Bùi Văn T có Đơn xin rút yêu cầu kháng cáo và có ý kiến, các văn bản của Toà án gia đình ông đã nhận được đầy đủ, tuy nhiên, do vợ chồng ông hay đi làm ăn xa nhà, còn mẹ ông là bà T tuổi cao, sức khoẻ yếu, nên vợ chồng ông và bà T không đến Toà án được, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt vợ chồng ông và bà T.

*** Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu với nội dung:**

- Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 284, 289, 295; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật TTDS năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của ông Bùi Văn T do đương sự rút kháng cáo.

- Chấp nhận QĐ kháng nghị của VKSND TPHN: sửa Bản án KDTMST số 05/2016/KDTMST ngày 20/10/2016 của TAND huyện M L.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí PT và được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm (nếu có): Kiến nghị TA rút kinh nghiệm, khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tại phiên toà, nghe quan điểm giải quyết vụ việc của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử nhận định:

**** Về thủ tục tố tụng:***

Đơn kháng cáo của đương sự được thực hiện trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên là hợp lệ.

Các đương sư vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

**** Về nội dung:***

Người kháng cáo là ông Bùi Văn T – Bị đơn trong vụ án đã có Đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, xét Đơn xin rút Đơn kháng cáo của Bị đơn nêu trên là tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xét tới yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn T.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

**** Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:***

Theo Quyết định kháng nghị số 26/QĐKN/VKS-P10 ngày 18/11/2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kháng nghị một phần Bản án số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội theo hướng sửa bản án KDTMST số 05/2016/20.10.2016 của Toà án nhân dân huyện M L.

Căn cứ vào các tài liệu có trong Hồ sơ vụ việc, kết quả tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thì Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng, ông T, bà H đã hết thời hiệu nên kháng nghị chỉ giải quyết đòi nợ

gốc và không giải quyết đối với phần nợ tiền lãi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: theo hợp đồng tín dụng số 3009 ngày 17 tháng 9 năm 2011 giữa Ngân hàng, ông T, bà H tại Điều 16 Mục 9 quy định: "Hợp đồng này gồm 16 điều có hiệu lực kể từ ngày kí và chỉ hết hiệu lực khi bên vay và bên bảo đảm đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ.... khi Hợp đồng này hết hiệu lực thì Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý"

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 3009/17.9.2011 thể hiện Điều 11 Mục 5 Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp chấm dứt hoặc bên thế chấp đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho bên nhận thế chấp theo các Hợp đồng tín dụng. Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các văn bản thoả thuận khác nếu có. Như vậy, theo điều khoản đã viện dẫn tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp thì hợp đồng tín dụngchỉ hết thời hiệu khi bên vay thanh toán cả gốc và lãi tức là hoàn thành tất cả các nghĩa vụ đối với đối với Ngân hàng và khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ thì Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý. Do đó, chỉ khi ông T, bà H trả toàn bộ gốc và các khoản lãi thì nghĩa vụ của ông T, bà H đối với Ngân hàng được chấm dứt. Như vậy, ông T và bà H chưa trả được gốc và lãi thì Hợp đồng vẫn còn hiệu lực, do đó kháng nghị của Viện kiểm sát không có căn cứ được chấp nhận về kháng nghị đối với khoản tiền lãi.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội còn kháng nghị về khoản lãi phạt trên số tiền lãi chậm trả là 35.299.588 đồng nhưng không buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Toà án chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi phạt 35.299.588 đồng Toà án không chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 1, Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009 quy định Đương sự yêu cầu khoản tiền lãi phạt Toà án không chấp nhận thì phải chịu phần án phí không được chấp nhận đối với khoản tiền trên. Vì vậy, chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện kiểm sát buộc Ngân hàng phải chịu án phí về phần lãi phạt không được Toà án chấp nhận là phù hợp Pháp luật.

Ngoài ra, chấp nhận Kháng nghị về việc áp dụng văn bản pháp luật các tổ chức tín

dụng năm 2004mà cần áp dụng Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Án phí phúc thẩm: ông T, bà H phải chịu án phí phúc thẩm. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu lãi phạt không được chấp nhận.

Chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa một phần bản án Kinh doanh thương mại Sơ thẩm về phần lãi phạt.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng đân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2010.

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 305, Điều 716 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 26/QĐKN/VKS-P10 ngày 18/11/2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, đối với một phần Bản án số **05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L**, thành phố Hà Nội.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện M L, thành phố Hà Nội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H.

Buộc ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân

hàng Thương mại cổ phần Đ số nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20/10/2016 là 1.472.562.676đ (một tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc: 700,000,000đ

Nợ lãi trong hạn: 525.802.954đ

Lãi quá hạn: 246.759.722đ

Nếu ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H không trả được số nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng 247 m^2 đất ở lâu dài và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ diện tích xây dựng trên đất, tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 03, tại thôn Đ T - Xã T V - huyện M L - Thành phố Hà Nội. Theo GCNQSD đất số BD 198604 do UBND huyện M L cấp ngày 26/01/2011 cho ông Bùi Văn T.

Trong trường hợp phát mại tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H tại Ngân hàngPvc thì ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thanh toán tiếp toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân hàngPvc, nếu số tiền thừa, ngân hàng Pvc có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hánh án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Văn T và bà Lưu Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.176.000đ (Năm mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại đối với phần yêu cầu lãi phạt không được chấp nhận, được đối trừ số tiền đã nộp và được hoàn lại số tiền là20.000.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003797 do ông Nguyễn Chí K nộp ngày 05/6/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M L, thành phố Hà Nội.

* Án phí phúc thẩm:

Ông Bùi Văn T phải chịu ánphí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 200.000 đồng ông đã nộp, theo Biên lai số 0004306ngày 08/11/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M L, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.p Hà Nội;
-TAND huyện Mê Linh;
- Chi Cục Thi hành án DS huyện Mê Linh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. Hộiđồngxétxửphúcthẩm
Thẩmphán - chủtoạphiêntoà

Chu Thị Nga